



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH INVITEC  
INVITEC ANALYSIS CENTER

Địa chỉ/Address: Số 12 phố Trường Lâm, P. Đức Giang, Q. Long Biên,  
TP. Hà Nội, Việt Nam.  
Tel: +84 92 567 1212  
Email: hotline@invitec.vn



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM  
TEST RESULT

MT25050118

Tên khách hàng/Customer's name : Mầm Non Chim Én  
Địa chỉ/Address : Số 113 đường Nguyễn Sơn, Phường Gia Thụy, Quận Long Biên, Hà Nội  
Tên mẫu/Name of sample(s) : Nước sinh hoạt  
Mô tả mẫu/Sample description : Mẫu đựng trong chai thủy tinh và chai nhựa PE có nắp vặn.  
Thể tích 1,5L;  
Bảo quản điều kiện thường  
Địa điểm lấy mẫu/Place of sampling : Vòi nước tại bếp ăn tầng 4  
Ngày nhận mẫu/Date of sample receiving : 12/05/2025  
Người lấy/gửi mẫu/Sampler : Khách hàng  
Kết quả thử nghiệm/Test result :



| TT No. | Tên chỉ tiêu<br>Parameter          | Kết quả<br>Result | Đơn vị<br>Unit | Giới hạn<br>tham chiếu**<br>Reference limit | Phương pháp thử<br>Test method       |
|--------|------------------------------------|-------------------|----------------|---------------------------------------------|--------------------------------------|
| 1.     | Amoni ( $\text{NH}_4^+$ )*         | <0,05             | mg/L           | 0,3                                         | SMEWW 4500-NH3.B&F:2017              |
| 2.     | Chỉ số Pecmanganat                 | <1                | mg/L           | 2                                           | TCVN 6186:1996                       |
| 3.     | Clorua                             | 8,2               | mg/L           | 250                                         | TCVN 6194:1996                       |
| 4.     | Mangan (Mn)*                       | <0,1              | mg/L           | 0,1                                         | SMEWW 3111B:2017<br>SMEWW 3030E:2017 |
| 5.     | Nitrate ( $\text{NO}_3^-$ -N)      | 0,51              | mg/L           | 2                                           | SMEWW 4500 NO3-E: 2017               |
| 6.     | Nitrite ( $\text{NO}_2^-$ -N)*     | <0,025            | mg/L           | 0,05                                        | TCVN 6178-1996 (ISO 6777-1984)       |
| 7.     | pH*                                | 7,31              | -              | 6,0 - 8,5                                   | TCVN 6492:2011 (ISO 10523:2008)      |
| 8.     | Sắt (Fe)*                          | <0,1              | mg/L           | 0,3                                         | SMEWW 3111B:2017                     |
| 9.     | Clo dư tự do                       | 0,09              | mg/L           | 0,2-1                                       | SMEWW 4500-C1:2017                   |
| 10.    | Độ cứng, tính theo $\text{CaCO}_3$ | 97,6              | mg/L           | 300                                         | TCVN 6224 - 1996                     |
| 11.    | Asen (As)                          | <0,001            | mg/L           | 0,01                                        | SMEWW3114B:2017<br>SMEWW 3030E:2017  |

- \* Phép thử đã được công nhận theo ISO 17025:2017/The tests accredited by ISO 17025:2017
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test results are valid for the received sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm phân tích INVITEC/The test report must not be reproduced without the written approval of INVITEC.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của người gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



**TRUNG TÂM PHÂN TÍCH INVITEC**  
**INVITEC ANALYSIS CENTER**

Địa chỉ/Address: Số 12 phố Trường Lâm, P. Đức Giang, Q. Long Biên,  
TP. Hà Nội, Việt Nam.  
Tel: +84 92 567 1212  
Email: hotline@invitec.vn



| TT<br>No. | Tên chỉ tiêu<br>Parameter | Kết quả<br>Result | Đơn vị<br>Unit | Giới hạn<br>tham chiếu**<br>Reference limit | Phương pháp thử<br>Test method |
|-----------|---------------------------|-------------------|----------------|---------------------------------------------|--------------------------------|
| 12.       | Độ đục*                   | 0                 | NTU            | 2                                           | TCVN 12402:2020                |
| 13.       | Độ màu                    | <3                | TCU            | 15                                          | TCVN 6185C:2015                |
| 14.       | Coliforms*                | 0                 | CFU/100mL      | <3                                          | TCVN 6187 - 1:2019             |
| 15.       | E.Coli*                   | 0                 | CFU/100mL      | <1                                          | TCVN 6187 - 1:2019             |

\*\* Theo/As in: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia QCVN 01-1:2018/BYT về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Hà Nội, ngày 17 tháng 05 năm 2025

**BỘ PHẬN PHÂN TÍCH**  
**LABORATORY**

**GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM**  
**DIRECTOR OF CENTER**

**KS. Nguyễn Văn Cường**

**ThS. Lương Thị Thu Hương**



**ThS. Lâm Gia Vũ**

- \* Phép thử đã được công nhận theo ISO 17025:2017/The tests accredited by ISO 17025:2017
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test results are valid for the received sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm phân tích INVITEC/  
The test report must not be reproduced without the written approval of INVITEC.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của người gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.